

Số: **42**/NQ-HĐND

An Bình, ngày **10** tháng **10** năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phường An Bình sau khi sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG AN BÌNH
KHÓA IV KỲ HỌP THỨ BA (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2020 của HĐND tỉnh Gia Lai về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của

HĐND phường An Bình về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phường An Bình sau khi sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp;

Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND, ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND phường An Bình về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phường An Bình sau khi sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp; Báo cáo thẩm tra số 11/BC-BKTNS ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND phường và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn phường An Bình sau khi sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp với các nội dung như sau:

Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 192.439,9 triệu đồng, triển khai 131 dự án. Trong đó:

- Nguồn ngân sách trung ương: 4.540,0 triệu đồng.
- Nguồn ngân sách tỉnh: 47.549,7 triệu đồng.
- Nguồn ngân sách cấp huyện: 123.750,8 triệu đồng.
- Nguồn ngân sách cấp xã: 16.599,4 triệu đồng.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của HĐND phường An Bình về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phường An Bình sau khi sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường An Bình khóa IV, Kỳ họp thứ Ba (chuyên đề) thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Ban Thường vụ Đảng ủy phường;
- Ủy ban MTTQ VN phường;
- Các tổ chức chính trị - xã hội phường;
- Văn phòng Đảng ủy phường;
- Các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND phường;
- Đăng trên Trang thông tin điện tử UBND phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Khánh

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG AN BÌNH SAU KHI SÁP XẾP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP
 (Kèm theo Nghị quyết số **42**/NQ - HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường An Bình)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm (trước sắp xếp)	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Tiến độ dự án đến thời điểm báo cáo	Chủ đầu tư	Đơn vị quản lý, tiếp tục triển khai thực hiện	Ghi chú	
					Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn ngân sách nhà nước)	Trong đó							
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/thị xã					Ngân sách xã
	TỔNG SỐ					267.218,6	192.439,9	4.540,0	47.549,7	123.750,8	16.599,4				
A	CÁC DỰ ÁN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ					231.811,8	161.368,2		41.915,5	119.452,7					
I	Ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện đạt nông thôn mới					6.473,0	6.298,0		6.298,0						
1	Đường trục chính nội đồng thôn An Định, xã Cư An, huyện Đak Pơ; hạng mục: Công liên hợp tràn và đường dẫn	xã Cư An	Công liên hợp tràn BTCT 4H(150x150)cm và đường dẫn tràn BTXM	2024	130/QĐ-UBND, ngày 29/01/2024	1.750,0	1.575,0		1.575,0			Đã hoàn thành	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đak Pơ	UBND phường An Bình	
2	Đường giao thông nông thôn xã Cư An, xã Tân An	xã Cư An, Tân An	L = 2Km; mặt đường BTXM rộng 3,0m-3,5m	2025	184/QĐ-UBND ngày 10/2/2025	4.723,0	4.723,0		4.723,0			Đang thi công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đak Pơ	UBND phường An Bình	Bổ sung
II	Ngân sách tỉnh hỗ trợ từ tiền sử dụng đất					43.000,0	37.400,0		30.400,0	7.000,0					
1	Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	P. An Bình	L=1.623,56m, Bn=20m, Bm=10m kết cấu từ bê tông nhựa. Bô vỉa, vỉa hè, hệ thống thoát nước	2021-2025	491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 671/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	37.000,0	37.000,0		30.000,0	7.000,0		Dự án đã hoàn thành và được nghiệm thu; Kế hoạch vốn năm 2025 chưa thực hiện giải ngân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực An Khê	UBND phường An Bình	Bổ sung
2	Trường tiểu học và THCS Nguyễn Du, xã Cư An, huyện Đak Pơ	xã Cư An	Nhà đăng cấp III, 01 tầng DTXD 408m2, nhà học hiệu bộ cấp II, 02 tầng8	2020	190/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.000,0	400,0		400,0			Đã hoàn thành; bổ tri vốn để hoàn ứng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đak Pơ	UBND phường An Bình	
III	Dự án thuộc kế hoạch đầu tư công của huyện Đak Pơ					21.180,0	21.180,0			21.180,0					
1	Trường tiểu học và THCS Nguyễn Du (điểm tiểu học)	xã Cư An	Công trình cấp III, 02 tầng, 08 phòng và các hạng mục phụ	2024-2025	106/NQ-HĐND, ngày 17/5/2023; 190/NQ-HĐND, ngày 04/4/2025	6.000,0	6.000,0			6.000,0		Đã hoàn thành	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đak Pơ	UBND phường An Bình	
2	Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Tân An	xã Tân An	Công trình cấp III, 02 tầng, 06 phòng và các hạng mục phụ	2022-2024	08/NQ-HĐND, ngày 22/4/2021; 43/NQ-HĐND, ngày 18/3/2022	6.750,0	6.750,0			6.750,0		Đã hoàn thành	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đak Pơ	UBND phường An Bình	
3	Trung tâm Văn hóa - thể thao xã Cư An	xã Cư An	Hội trường văn hóa đa năng và các hạng mục phụ	2021-2023	22/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020	2.500,0	2.500,0			2.500,0		Đã hoàn thành	BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Đak Pơ	UBND phường An Bình	
4	Trung tâm Văn hóa - thể thao xã Tân An	xã Tân An	Hội trường văn hóa đa năng; cổng tường rào và các hạng mục phụ	2021-2023	21/NQ-HĐND, ngày 28/10/2020	3.200,0	3.200,0			3.200,0		Đã hoàn thành	BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Đak Pơ	UBND phường An Bình	
5	Đường liên thôn xã Tân An - giai đoạn I	xã Tân An	Mở rộng mặt đường BTXM, Bm=5,5m, hệ thống thoát nước	2025	475/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	2.730,0	2.730,0			2.730,0		Đang thi công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đak Pơ	UBND phường An Bình	Bổ sung
IV	Dự án thuộc kế hoạch đầu tư công của thị xã An Khê					161.158,8	96.490,2		5.217,5	91.272,7					
1	Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ Đường Quang Trung đến đường Phan Đình Giót) Hạng mục: Sửa chữa mặt đường, bô vỉa, đan rãnh, hệ thống thoát nước	P. An Bình	Chiều dài tuyến L=694,46m, sửa chữa mặt đường hiện trạng bằng BTXM và láng nhựa. Bô vỉa, đan rãnh bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc bằng mương xây đá hộc, đầy đan BTCT	2021	128/NQ-HĐND ngày 27/11/2020	5.920,0	5.317,2			5.317,2		Đã hoàn thành	BQL dự án đầu tư xây dựng thị xã An Khê	UBND phường An Bình	
2	Đường Lê Lợi (đoạn từ đường BTXM hiện trạng đến đường trước cổng Sư đoàn BB2); Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	P. An Bình	Chiều dài tuyến L =710m; Bn=20m, Bm=10,5m, mặt đường BTXM, thoát nước dọc rãnh đất	2021	158/NQ-HĐND ngày 04/6/2021	5.126,0	4.881,9			4.881,9		Đã hoàn thành	BQL dự án đầu tư xây dựng thị xã An Khê	UBND phường An Bình	
3	Đường Nguyễn Viết Xuân (đoạn từ đường Quang Trung đến cổng trường THCS Nguyễn Viết Xuân); Hạng mục: Sửa chữa mặt đường, bô vỉa và hệ thống thoát nước dọc	P. An Bình	Chiều dài tuyến L=260m; mở rộng mặt đường toàn tuyến đạt bề rộng Bm=7m; láng nhựa mặt đường 02 lớp; bô vỉa, đan rãnh, mương thoát nước dọc xây đá hộc, đầy đan BTCT	2025	65/NQ-HĐND ngày 28/7/2021; 216/NQ-HĐND ngày 19/7/2024	2.500,0	2.186,1			2.186,1		Đã hoàn thành	BQL dự án đầu tư xây dựng thị xã An Khê	UBND phường An Bình	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm (trước sắp xếp)	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Tiến độ dự án đến thời điểm báo cáo	Chủ đầu tư	Đơn vị quản lý, tiếp tục triển khai thực hiện	Ghi chú	
					Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn ngân sách nhà nước)	Trong đó							
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/thị xã					Ngân sách xã
4	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân; Hạng mục: Khối hành chính - quản trị, nhà học bộ môn, nhà bảo vệ và trang thiết bị	P. An Bình	- Khối hành - chính quản trị, nhà học bộ môn: cấp III, 02 tầng DTXD: 310m2; DTSD: 600m2. - Nhà bảo vệ cấp IV, 01 tầng DTXD 9m2 - Mua sắm đồ bộ thiết bị dạy học, phòng cháy chữa cháy	2023	49/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	5.500,0	5.217,5		5.217,5			Đã hoàn thành	BQL dự án đầu tư xây dựng thị xã An Khê	UBND phường An Bình	
5	Trường TH Trần Quốc Toàn; Hạng mục: Xây mới khối phòng hành chính quản trị và phòng học bộ môn và trang thiết bị	P. An Bình	-Cấp III, 02 tầng, DTXD 420m2, DTSD 800m2 (gồm: khối HCQT 6 phòng; 03 phòng học và 04 phòng học bộ môn) -Trang thiết bị dạy học hoàn chỉnh - Phá dỡ khối nhà HCQT cũ đã xuống cấp	2024-2025	48/NQ-HĐND ngày 28/7/2021; 181/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	7.200,0	6.893,9			6.893,9		Đã hoàn thành	BQL dự án đầu tư xây dựng thị xã An Khê	UBND phường An Bình	
6	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trường học năm 2024-2025	P. An Bình	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng cơ sở vật chất : Trường MG Sơn Ca	2024-2025	188/NQ-HĐND ngày 20/12/2023, 215/NQ-HĐND ngày 19/7/2024	1.689,0	1.689,0			1.689,0		Đã hoàn thành	BQL dự án đầu tư xây dựng thị xã An Khê	UBND phường An Bình	
7	Quy hoạch chi tiết khu dân cư phía Nam đường Phan Đình Giót	P. An Bình	Quy hoạch chi tiết xây dựng TL 1/500, diện tích 75ha	2021-2025	1189/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	1.950,0	1.232,9			1.232,9		Đã hoàn thành	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thị xã An Khê	UBND phường An Bình	
8	Quy hoạch phân khu phường An Bình (khu đô thị số 2)	P. An Bình	Quy mô 500ha	2023-2025	135/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	2.750,0	2.142,7			2.142,7		Đã hoàn thành	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thị xã An Khê	UBND phường An Bình	
9	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng cụm công nghiệp An Khê, Gia Lai	P. An Bình		2017-2023	5334/QĐ-UBND ngày 22/11/2021; 5376/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	42.735,3	42.735,3			42.735,3		Đã hoàn thành	BQL dự án đầu tư xây dựng thị xã An Khê	UBND phường An Bình	
10	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	P. An Bình		2021-2025	491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021, 671/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	4.358,5	4.358,5			4.358,5		Đã hoàn thành	BQL dự án đầu tư xây dựng thị xã An Khê	UBND phường An Bình	
11	Hạ tầng cụm công nghiệp An Khê	P. An Bình	Khu xử lý nước thải công suất 692,3m3/ngày đêm; hệ thống cấp nước công suất 865,5m3/ngày đêm	2017-2023	5272/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	81.430,0	19.835,1			19.835,1		Đã hoàn thành	BQL dự án đầu tư xây dựng thị xã An Khê	UBND phường An Bình	
B	CÁC DỰ ÁN CẤP XÃ QUẢN LÝ						35.406,8	31.071,7	4.540,0	5.634,2	4.298,1	16.599,4			
I	Chương trình Kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương						13.789,3	11.482,2		5.634,2	4.298,1	1.549,8			
L1	Phường An Bình (cũ)						4.243,5	3.484,4		1.572,7	1.911,6				
1	Đường hẻm khu dân cư (hẻm Lê Phi Hùng)	P. An Bình	Chiều dài tuyến L=150m; Bm=3,5m; dày 18cm; bề tổng mức 250. Hệ thống thoát nước	2021	560/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	208,4	163,4		70,0	93,4		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
2	Đường hẻm khu dân cư (Hẻm đường Đào Duy Từ đoạn vào nhà ông Tú)	P. An Bình	Chiều dài tuyến L=55m; Bm=3m; dày 18cm; bề tổng mức 250. Hệ thống thoát nước	2021	561/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	59,2	44,5		22,0	22,5		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
3	Đường hẻm khu dân cư (Hẻm 63 Lê Thị Hồng Gấm)	P. An Bình	Chiều dài tuyến L=170m; Bm=3,5m; dày 18cm; bề tổng mức 250. Hệ thống thoát nước	2021	563/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	236,4	185,6		79,4	106,3		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
4	Đường hẻm khu dân cư (Hẻm Phan Đình Giót đoạn nhà ông Hùng)	P. An Bình	Chiều dài tuyến L=200m; Bm=3,5m; dày 18cm; bề tổng mức 250. Hệ thống thoát nước	2021	564/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	279,7	217,3		93,4	123,9		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
5	Đường hẻm khu dân cư (Hẻm Nguyễn Văn Trỗi đoạn vào nhà bà Hương)	P. An Bình	Chiều dài tuyến L=60m; Bm=3m; dày 18cm; bề tổng mức 250. Hệ thống thoát nước	2021	565/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	57,9	43,1		24,0	19,1		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
6	Đường hẻm khu dân cư (Hẻm 761/3 Quang Trung)	P. An Bình	Chiều dài tuyến L=35m; Bm=3m; dày 18cm; bề tổng mức 250. Hệ thống thoát nước	2021	566/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	33,4	24,9		14,0	10,9		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
7	Đường hẻm khu dân cư (Hẻm 06 Trần Quốc Toàn)	P. An Bình	Chiều dài tuyến L=70m; Bm=2m; dày 18cm; bề tổng mức 250. Hệ thống thoát nước	2021	562/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	65,0	38,9		18,7	20,2		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
8	Đường hẻm khu dân cư (hẻm 18 Lý Thường Kiệt)	P. An Bình	Chiều dài tuyến L=80 m; Bm=3,5m dày 18cm; bề tổng mức 250. Hệ thống thoát nước	2021	567/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	99,5	74,5		37,3	37,1		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm (trước sắp xếp)	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Tiến độ dự án đến thời điểm báo cáo	Chủ đầu tư	Đơn vị quản lý, tiếp tục triển khai thực hiện	Ghi chú	
					Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn ngân sách nhà nước)	Trong đó							
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/thị xã	Ngân sách xã				
9	Đường hẻm khu dân cư (Hẻm 832/ Quang Trung đoạn từ trước nhà ông Châu Hay)	P. An Bình	L=90m, Bm=3m, mặt đường BTXM đá 2x4 dày 18cm. HTTN	2022	783/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	123,5	100,7		36,0	64,7		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
10	Đường hẻm khu dân cư (Hẻm 18 Lý Thường Kiệt)	P. An Bình	L=22m, Bm=3m, mặt đường BTXM đá 2x4 dày 18cm. HTTN	2022	784/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	26,0	47,7		36,0	11,7		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
11	Đường hẻm khu dân cư (Hẻm 761 nối dài đoạn vào nhà ông Thiết)	P. An Bình	L=140m, Bm=3m, mặt đường BTXM đá 2x4 dày 18cm. HTTN	2022	785/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	215,7	160,9		36,0	124,9		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
12	Đường hẻm khu dân cư (Hẻm Nguyễn Văn Trỗi đoạn cạnh nhà ông Trần An Bình)	P. An Bình	L=102m, Bm=3m, mặt đường BTXM đá 2x4 dày 18cm. HTTN	2022	787/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	120,3	90,2		36,0	54,2		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
13	Hẻm trước nhà ông Chín Tài hang mục nền, mặt đường và hệ thống thoát nước.	P. An Bình	L=155m, Bm=3m, mặt đường BTXM đá 2x4 dày 18cm. HTTN	2022	788/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	227,4	156,1		36,0	120,1		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
14	Hẻm 73/ Lê Lợi. (Vào nhà ông cường, Sau) hang mục nền, mặt đường và hệ thống thoát nước.	P. An Bình	L=60m, Bm=3m, mặt đường BTXM đá 2x4 dày 18cm. HTTN	2022	789/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	64,6	62,0		36,0	26,0		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
15	Đường hẻm khu dân cư (Hẻm Phan Đình Giót)	P. An Bình	L=200m, Bm=3m, mặt đường BTXM đá 2x4 dày 18cm. HTTN	2022	786/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	211,2	167,2		36,0	131,2		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
16	Hẻm 13 Lý Thường Kiệt; hang mục nền, mặt đường và hệ thống thoát nước.	P. An Bình	L=630m, Bm=3.5m, mặt đường BTXM đá 2x4 dày 18cm. HTTN	2023-2024	512/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	731,4	657,5		346,1	311,4		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
17	Hẻm nhà bà Trúc hang mục nền, mặt đường và hệ thống thoát nước.	P. An Bình	L=160m, Bm=3m, mặt đường BTXM đá 2x4 dày 18cm. HTTN	2023	513/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	131,7	120,5		69,1	51,3		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
18	Hẻm 992/12 Quang Trung hang mục nền, mặt đường và hệ thống thoát nước.	P. An Bình	L=70m, Bm=3m, mặt đường BTXM đá 2x4 dày 18cm. HTTN	2023	514/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	116,2	103,8		33,4	70,4		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
19	Hẻm nhà Hương; hang mục nền, mặt đường	P. An Bình	Chiều dài L=98m, rộng 1,7-3m, mặt đường BTXM dày 16cm.	2024	105/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	98,5	82,7		38,6	44,0		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
20	Hẻm 06 Phan Đình Giót; hang mục nền, mặt đường và hệ thống thoát nước.	P. An Bình	Chiều dài L=144m, nền đường rộng 4m, mặt đường BTXM rộng 3m dày 16cm và cống thoát nước	2024	106/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	158,9	134,2		60,9	73,3		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
21	Hẻm Lê Thị Hồng Gấm (cổng lờ); hang mục nền, mặt đường và hệ thống thoát nước.	P. An Bình	Chiều dài L=282m, nền đường rộng 5m, mặt đường BTXM rộng 3,5m dày 18cm và cống thoát nước	2024	108/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	365,9	302,2		155,9	146,3		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
22	Hẻm Phạm Hồng Thái; hang mục nền, mặt đường	P. An Bình	Chiều dài L=148m, nền đường rộng 5m, mặt đường BTXM rộng 3,5 m dày 16cm	2024	107/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	159,6	129,4		73,0	56,3		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
23	Đường hẻm khu dân cư hẻm Nguyễn Văn Trỗi; hang mục nền, mặt đường và hệ thống thoát nước.	P. An Bình	Chiều dài L=157,5m, Bn=5m, Bm=3,5 m BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm; 1 cống bản BTCT KT (50x75)cm, dài 7m.	2024	112/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	194,3	163,2		77,7	85,5		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
24	Đường hẻm khu dân cư hẻm 922 Quang Trung nối dài; hang mục nền, mặt đường và hệ thống thoát nước.	P. An Bình	Chiều dài L=254m; Bn=5m, Bm=3m mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm; 1 cống bản BTCT KT (50x75)cm, dài 5m.	2024	114/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	258,8	214,0		106,9	107,1		Đã hoàn thành	UBND phường An Bình	UBND phường An Bình	
1.2	Xã Tân An và Cư An					9.545,8	7.997,8		4.061,5	2.386,4	1.549,8				
1	Kiến cổ hóa đường GTNT thôn Tân Định	Xã Tân An	R3, dày 18cm, Mác 250	2021-2022	210/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	736,9	606,4		311,6	184,2	110,5	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
2	Kiến cổ hóa đường GTNT thôn Tân Hòa	Xã Tân An	R3, dày 18cm, Mác 250	2021-2022	208/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	777,3	639,7		328,8	194,3	116,6	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
3	Kiến cổ hóa đường GTNT thôn Tân Hới	Xã Tân An	R3, dày 18cm, Mác 250	2021-2022	212/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	299,7	246,7		126,8	74,9	45,0	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
4	Kiến cổ hóa đường GTNT thôn Tư Lương	Xã Tân An	R3, dày 18cm, Mác 250	2021-2022	217/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	548,8	451,6		232,1	137,2	82,3	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm (trước sắp xếp)	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Tiến độ dự án đến thời điểm báo cáo	Chủ đầu tư	Đơn vị quản lý, tiếp tục triển khai thực hiện	Ghi chú	
					Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn ngân sách nhà nước)	Trong đó							
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/thị xã					Ngân sách xã
5	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Tân Sơn	Xã Tân An	R3, dây 18cm, Mác 250	2021-2022	215/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	345,5	284,3		146,2	86,4	51,8	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
6	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Tân Bình	Xã Tân An	R3, dây 18cm, Mác 250	2021-2022	209/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	241,8	199,0		102,3	60,5	36,3	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
7	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Tân Hiệp	Xã Tân An	R3, dây 18cm, Mác 250	2021-2022	211/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	491,4	404,6		208,1	122,8	73,7	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
8	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Tân Tự	Xã Tân An	R3, dây 18cm, Mác 250	2021-2022	216/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	512,0	421,9		217,1	128,0	76,8	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
9	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Tân Lập	Xã Tân An	R3, dây 18cm, Mác 250	2021-2022	213/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	648,4	533,6		274,2	162,1	97,3	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
10	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Tân Phong	Xã Tân An	R3, dây 18cm, Mác 250	2021-2022	214/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	452,1	372,1		191,3	113,0	67,8	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
11	Kiên cố hóa đường GTNT thôn An Định	Xã Cư An	R3, dây 18cm, Mác 250	2021-2022	76/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	176,8	154,1		74,5	44,2	35,4	Đã hoàn thành	UBND xã Cư An	UBND phường An Bình	
12	Kiên cố hóa đường GTNT thôn An Thuận	Xã Cư An	R3, dây 18cm, Mác 250	2021-2022	78/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	143,2	124,7		60,3	35,8	28,6	Đã hoàn thành	UBND xã Cư An	UBND phường An Bình	
13	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Chí Công	Xã Cư An	R3, dây 18cm, Mác 250	2021-2022	77/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	721,7	628,5		303,7	180,4	144,3	Đã hoàn thành	UBND xã Cư An	UBND phường An Bình	
14	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Hiệp Phú	Xã Cư An	R3, dây 18cm, Mác 250	2021-2022	79/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	549,6	478,7		231,3	137,4	109,9	Đã hoàn thành	UBND xã Cư An	UBND phường An Bình	
15	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Tân Định	Xã Tân An	R3, dây 18cm, Mác 250	2022	35/QĐ-UBND ngày 25/02/2022	395,6	330,5		172,3	98,9	59,3	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
16	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Tân Hòa	Xã Tân An	R3, dây 18cm, Mác 250	2022	34/QĐ-UBND ngày 25/02/2022	751,6	628,1		327,4	187,9	112,7	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
17	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Tân Hội	Xã Tân An	R3, dây 18cm, Mác 250	2022	33/QĐ-UBND ngày 25/02/2022	494,5	413,2		215,4	123,6	74,2	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
18	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Tân Lập	Xã Tân An	R3, dây 18cm, Mác 250	2022	32/QĐ-UBND ngày 25/02/2022	148,2	123,9		64,6	37,0	22,2	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
19	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Tân Sơn	Xã Tân An	R3, dây 18cm, Mác 250	2022	31/QĐ-UBND ngày 25/02/2022	197,7	165,2		86,2	49,4	29,6	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
20	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Tư Lương	Xã Tân An	R3, dây 18cm, Mác 250	2022	36/QĐ-UBND ngày 25/02/2022	145,2	121,4		63,3	36,3	21,8	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình	
21	Kiên cố hóa đường GTNT thôn An Định	Xã Cư An	R3, dây 18cm, Mác 250	2022	126/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	94,1	82,1		39,8	23,5	18,8	Đã hoàn thành	UBND xã Cư An	UBND phường An Bình	
22	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Chí Công	Xã Cư An	R3, dây 18cm, Mác 250	2022	125/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	503,8	439,0		212,3	125,9	100,8	Đã hoàn thành	UBND xã Cư An	UBND phường An Bình	
23	Kiên cố hóa đường GTNT thôn Hiệp Phú	Xã Cư An	R3, dây 18cm, Mác 250	2022	124/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	170,1	148,3		71,8	42,5	34,0	Đã hoàn thành	UBND xã Cư An	UBND phường An Bình	
II	Chương trình MTQG nông thôn mới (Đầu tư công trung hạn từ nguồn ngân sách, xã Tân An)					15.720,5	14.230,5	2.291,0			11.939,5				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm (trước sắp xếp)	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Tiến độ dự án đến thời điểm báo cáo	Chủ đầu tư	Đơn vị quản lý, tiếp tục triển khai thực hiện	Ghi chú	
					Số QĐ/CTDT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn ngân sách nhà nước)	Trong đó							
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/thị xã					Ngân sách xã
1	Đường trục thôn Tân Bình, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Bình	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250; Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2022	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	422,2	380,0				380,0	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
2	Đường ngõ xóm thôn Tân Lập, xã Tân An.; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Lập	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250; Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2022	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	308,9	278,0				278,0	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
3	Đường ngõ xóm thôn Tân Phong, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Phong	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 :Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2022	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	288,9	260,0				260,0	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
4	Đường ngõ xóm thôn Tân Hiệp, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Hiệp	L1=80, Bm=2,5m; L2=77 m, Bm=3m; Mặt đường BTXM đá 2x4, #250; dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2022	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	193,3	174,0				174,0	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
5	Đường trục thôn Tân Hội, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Hội	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 ; Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2022	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	324,4	292,0				292,0	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
6	Đường ngõ xóm thôn Tân Định, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Định	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 ; Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2022	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	267,0	240,0	240,0				Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
7	Đường trục thôn thôn Tư Lương, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tư Lương	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 ; Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2022	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	421,0	379,0	379,0				Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
8	Đường ngõ xóm thôn Tân Tu, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Tu	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 ; Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2022	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	59,0	53,0	53,0				Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
9	Đường ngõ xóm thôn Tân Lập, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Lập	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2023	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	520,0	468,0				468,0	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
10	Đường ngõ xóm thôn Tân Phong, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Phong	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2023	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	194,7	175,2				175,2	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
11	Đường ngõ xóm thôn Tân Hiệp, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Hiệp	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=2,5m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2023	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	44,0	39,6				39,6	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
12	Đường ngõ xóm thôn Tân Hiệp, xã Tân An ; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Hiệp	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2023	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	126,7	114,0				114,0	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
13	Đường trục chính nội đồng thôn Tư Lương, xã Tân An ; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tư Lương	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2023	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	933,3	840,0				840,0	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
14	Đường trục chính nội đồng thôn Tân Tu, xã Tân An ; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Tu	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2023	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	626,7	564,0				564,0	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm (trước sắp xếp)	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Tiến độ dự án đến thời điểm báo cáo	Chủ đầu tư	Đơn vị quản lý, tiếp tục triển khai thực hiện	Ghi chú	
					Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn ngân sách nhà nước)	Trong đó							
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/thị xã	Ngân sách xã				
15	Đường trục chính nội đồng thôn Tân Định, xã Tân An ; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Định	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2023	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	666,7	600,0				600,0	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
16	Đường trục chính nội đồng thôn Tân Định, xã Tân An ; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Định	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2023	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	1.173,3	1.056,0	1.056,0				Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
17	Đường ngõ xóm thôn Tân Lập, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Lập	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2024	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	467,7	420,9				420,9	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
18	Đường ngõ xóm thôn Tân Hòa, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Hòa	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2024	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	444,2	399,8				399,8	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
19	Đường ngõ xóm thôn Tân Phong, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Phong	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2024	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	249,3	224,4				224,4	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
20	Đường ngõ xóm thôn Tân Phong, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Phong	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2024	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	625,6	563,0	563,0				Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
21	Đường ngõ xóm thôn Tân Hiệp, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Hiệp	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2024	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	755,6	680,0				680,0	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
22	Đường trục chính nội đồng thôn Tư Lương, xã Tân An ; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tư Lương	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2024	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	593,2	533,8				533,8	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
23	Đường ngõ xóm thôn Tân Tu, xã Tân An ; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Tu	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2024	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	667,1	600,4				600,4	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
24	Đường ngõ xóm thôn Tân Định, xã Tân An ; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Định	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2024	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	503,6	453,2				453,2	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
25	Đường trục chính nội đồng thôn Hội, xã Tân An ; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Hội	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2024	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	862,0	775,8				775,8	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
26	Đường ngõ xóm thôn Tân Hội, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Hội	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2024	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	349,8	314,8				314,8	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
27	Đường trục chính nội đồng thôn Tân Tu, xã Tân An ; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Tu	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2024	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	465,5	419,0				419,0	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	
28	Đường trục chính nội đồng thôn Tân Định, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM. Hệ thống thoát nước	Thôn Tân Định	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2025	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	954,1	858,7				858,7	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm (trước sắp xếp)	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Tiến độ dự án đến thời điểm báo cáo	Chủ đầu tư	Đơn vị quản lý, tiếp tục triển khai thực hiện	Ghi chú
					Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn ngân sách nhà nước)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/thị xã	Ngân sách xã			
29	Đường ngõ xóm thôn Tân Lập xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM	Thôn Tân Lập	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=2,5m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2025	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	56,1	50,5				50,5	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình
30	Đường trục chính nội đồng thôn Tân Bình, xã Tân An; Hàng mục: Nền, mặt đường BTXM, Hệ thống thoát nước	Thôn Tân Bình	Mặt đường BTXM đá 2x4, #250 Bm=3m, dày 18cm; Hệ thống thoát nước	2025	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	466,5	419,9				419,9	Đã hoàn thành	BQL Các CTMTQG Xã Tân An	UBND phường An Bình
31	Trụ sở HDND-UBND xã Tân An	Xã Tân An	Sửa chữa nhà làm việc số 02 và hàng mục phụ (Bố trí tạm thời cho Công an xã Tân An làm việc)	2023	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	400,0	400,0				400,0	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình
32	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân Hiệp;	Thôn Tân Hiệp	Diện tích nhà 10m*9m=90m2, cổng, hàng rào	2023	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	266,7	240,0				240,0	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình
33	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân Hội, xã Tân An;	Thôn Tân Hội	Diện tích nhà 6m*15m=90m2, sửa chữa cổng, hàng rào	2024	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	300,0	270,0				270,0	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình
34	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân Phong, xã Tân An;	Thôn Tân Phong	Diện tích nhà 5m*20m=100m2, sửa chữa cổng, hàng rào	2024	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	300,0	270,0				270,0	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình
35	Trung tâm thương mại xã Tân An	Xã Tân An	Nhà vòm	2023	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	167,6	167,6				167,6	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình
36	Trung tâm thương mại xã Tân An; Hàng mục: Nhà vòm	Xã Tân An	Nhà vòm	2024	93/NQ-HĐND ngày 15/4/2025 của HĐND xã Tân An	256,0	256,0				256,0	Đã hoàn thành	UBND xã Tân An	UBND phường An Bình
III	Chương trình MTQG nông thôn mới (Đầu tư công trung hạn từ nguồn ngân sách, xã Cư An)					5.897,1	5.359,1	2.249,0			3.110,1			
1	Quy hoạch chung xây dựng xã Cư An, huyện Đak Pơ giai đoạn 2021-2030	Xã Cư An	Quy hoạch chung xây dựng xã	2022-2023	55/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND xã Cư An	234,0	234,0				234,0	Đã hoàn thành	UBND xã Cư An	UBND phường An Bình
2	Đường trục thôn Chi Công, xã Cư An	Thôn Chi Công	(Từ nhà ông Trần Văn Dân đến nhà ông Nguyễn Thành Toàn; Từ nhà ông Nguyễn Thành Ri đến ngã ba nhà ông Lê Ngọc Tư; Từ nhà ông Nguyễn Mình Châu đến giáp đường BTXM), mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250, dày 18cm. Mặt đường	2022-2023	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	515,6	464,0	464,0				Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình
3	Đường trục thôn An Thuận, xã Cư An	Thôn An Thuận	(Từ nhà ông Nguyễn Văn Dân đến ngã tư nhà ông Trần Văn Kháng); mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250, dày 18cm, Mặt đường rộng 3m.	2022-2023	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	222,0	200,0	200,0				Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình
4	Đường ngõ xóm thôn An Sơn, xã Cư An	Thôn An Sơn	(Từ nhà ông Lê Hùng Khánh đến nhà ông Nguyễn Phước); mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 18cm, Mặt đường rộng 3m.	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	124,0	112,0	112,0				Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình

TT	Danh mục dự án	Địa điểm (trước sắp xếp)	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Tiến độ dự án đến thời điểm báo cáo	Chủ đầu tư	Đơn vị quản lý, tiếp tục triển khai thực hiện	Ghi chú
					Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn ngân sách nhà nước)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/thị xã	Ngân sách xã			
5	Đường ngõ xóm thôn An Định, xã Cư An	Thôn An Định	(Từ nhà bà Hồ Thị Thanh Hà đến nhà bà Phan Thị Sương; Từ nhà ông Hồ Thanh Bắc đến nhà sinh hoạt cộng đồng thôn An Định) mặt đường BTXM đá 2x4, mức 250 dày 18cm, Mặt đường rộng 3m.	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	556,0	500,0	500,0				Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình
6	Đường ngõ xóm thôn An Thuận, xã Cư An	Thôn An Thuận	(Từ nhà Trần Trung đến đất Phạm Văn Bình; Từ nhà Nguyễn Văn Xuân đến đất bà Đặng Thị Hoa; Từ nhà Nguyễn Văn Thất đến nhà Nguyễn Văn Diên; Từ QL 19 đến nhà Nguyễn Thị Quý) mặt đường BTXM đá 2x4, mức 250 dày 18cm, Mặt đường rộng 3m, hạng mục phụ	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	433,0	390,0	390,0				Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình
7	Đường ngõ xóm thôn An Thuận, xã Cư An	Thôn An Thuận	Mặt đường BTXM đá 2x4. (Từ nhà Nguyễn Thanh Tâm đến nhà Trần Văn Trang; Từ nhà ông 5 Thân đến nhà Đặng Ngọc Tâm). (Từ nhà Nguyễn Văn Dũng đến nhà Nguyễn Văn Thất; Từ nhà Nguyễn Thị Hồng đến nhà Nguyễn Văn Tấn) mặt đường BTXM đá 2x4.	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	340,2	306,1				306,1	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình
8	Đường ngõ xóm thôn An Thuận, xã Cư An	Thôn An Thuận	Từ đường bê tông xi măng đến nhà ông Phạm Thực; Từ nhà ông Phạm Thực đến nhà bà Dương Thị Thanh; Từ đường bê tông xi măng đến nhà ông Đào Văn Đam; mặt đường BTXM đá 2x4, hạng mục phụ	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	114,0	102,6				102,6	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình
9	Đường ngõ xóm thôn An Thuận, xã Cư An	Thôn An Thuận	Từ nhà Lê Hoàng đến nhà ông 7 Lâm, mặt đường BTXM đá 2x4, hạng mục phụ	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	30,47	27,4				27,4	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình
10	Đường ngõ xóm thôn Chí Công, xã Cư An	Thôn Chí Công	(Đoạn 1: Từ nhà Lê Dân đến nhà Trần Quang Phụng; Đoạn 2 Từ nhà Đỗ Quang Nghĩa đến nhà Nguyễn Kim Anh; Đoạn 3: Từ nhà ông Nguyễn Văn Công đến nhà ông Tám); mặt đường BTXM đá 2x4, hạng mục phụ	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	453,0	408,0	408,0				Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình
11	Đường ngõ xóm thôn Chí Công, xã Cư An	Thôn Chí Công	(Từ nhà Nguyễn Thị Hát đến Nguyễn Lễ; Từ nhà Huỳnh Đăng Quân đến nhà Phạm Minh Hòa; Từ đường BTXM đến nhà Dương Thị Dư; Từ nhà Văn Thị Nữ đến nhà Huỳnh Xu) mặt đường BTXM đá 2x4, hạng mục phụ	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	242,6	218,3				218,3	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình
12	Đường ngõ xóm thôn Hiệp Phú, xã Cư An	Thôn Hiệp Phú	Từ nhà ông Ngô Văn Tinh đến nhà bà Phạm Thị Tháo), mặt đường BTXM đá 2x4, mức 250 dày 18cm, Mặt đường rộng 3m, hạng mục phụ	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	194,0	175,0	175,0				Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình
13	Đường ngõ xóm thôn Hiệp Phú, xã Cư An	Thôn Hiệp Phú	Từ nhà Lê Văn Hương đến nhà Lê Thua, BTXM đá 2x4, mức 250 dày 18cm, Mặt đường rộng 3m, hạng mục phụ.	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	232,8	209,6				209,6	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình
14	Đường ngõ xóm thôn Hiệp An, xã Cư An	Thôn Hiệp An	Từ nhà Dương Đình Tiến đến nhà Nguyễn Văn Luyện), mặt đường BTXM rộng 3m, đá 2x4, hạng mục phụ	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	49,3	44,4				44,4	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình
15	Đường ngõ xóm thôn An Sơn, xã Cư An	Thôn An Sơn	(Từ nhà Lâm Bá Khánh đến nhà Lê Trường), mặt đường BTXM đá 2x4	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	67,3	60,6				60,6	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình
16	Đường ngõ xóm thôn An Định, xã Cư An	Thôn An Định	(Từ nhà Bạch Thanh Sơn đến nhà Võ Ngọc Hải), mặt đường BTXM đá 2x4	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	97,1	87,4				87,4	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình
17	Đường ngõ xóm thôn An Định, xã Cư An	Thôn An Định	(Đoạn 1: Từ nhà Bạch Thanh Tông đến nhà Nguyễn Văn Lương; Đoạn 2 từ nhà Nguyễn Văn Lâm đến nhà Bùi Văn Bộ), mặt đường BTXM đá 2x4, hạng mục phụ	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	105,2	94,7				94,7	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình

TT	Danh mục dự án	Địa điểm (trước sắp xếp)	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Tiến độ dự án đến thời điểm báo cáo	Chủ đầu tư	Đơn vị quản lý, tiếp tục triển khai thực hiện	Ghi chú	
					Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn ngân sách nhà nước)	Trong đó							
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/thị xã	Ngân sách xã				
18	Nhà văn hóa thôn Hiệp An	Thôn Hiệp An	Tường rào, cổng ngõ, nhà vệ sinh, hạng mục khác	2023-2024	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	267,0	240,0				240,0	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình	
19	Đường ngõ xóm thôn An Sơn, xã Cư An	Thôn An Sơn	(Từ nhà ông Nguyễn Hùng đến nhà ông Phạm Quốc Thuận), mặt đường BTXM đá 2x4, hạng mục phụ	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	84,8	76,3				76,3	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình	
20	Đường ngõ xóm thôn Chí Công, xã Cư An	thôn Chí Công	(Từ nhà ông Văn Trường Toàn đến nhà ông Phạm Văn Thuận), mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 đáy 18cm, Mặt đường rộng 3m, hạng mục phụ	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	494,0	444,6				444,6	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình	
21	Đường ngõ xóm thôn An Sơn, xã Cư An	Thôn An Sơn	(Từ tuyến đường tránh QL 19 đến nhà bà Nguyễn Thị Quý), mặt đường BTXM đá 2x4, hạng mục phụ	2024-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	29,1	26,2				26,2	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình	
22	Nhà văn hóa thôn Hiệp Phú	Thôn Hiệp Phú	nhà vệ sinh và các hạng mục phụ	2024-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	136,5	122,9				122,9	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình	
23	Nhà văn hóa thôn An Sơn	Thôn An Sơn	nhà vệ sinh và các hạng mục phụ	2024-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	137,2	123,5				123,5	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình	
24	Nhà văn hóa thôn An Thuận	Thôn An Thuận	nhà vệ sinh và các hạng mục phụ	2024-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	138,8	124,9				124,9	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình	
25	Nhà văn hóa thôn Chí Công	Thôn Chí Công	nhà vệ sinh và các hạng mục phụ	2024-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	155,2	139,7				139,7	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình	
26	Nhà văn hóa thôn An Định	Thôn An Định	nhà vệ sinh và các hạng mục phụ	2024-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	138,1	124,3				124,3	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình	
27	Đường ngõ xóm thôn Hiệp Phú	Thôn Hiệp Phú	Từ nhà ông Nguyễn Ngưu đến nhà ông Nguyễn Xuân Hà	2024-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	68,0	61,2				61,2	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình	
28	Đường ngõ xóm thôn An Sơn, xã Cư An	Thôn An Sơn	(Từ nhà ông Nguyễn Hùng đến nhà ông Nguyễn Văn Tinh; Từ nhà ông Nguyễn Toàn đến nhà bà Lâm Thị Liễu), mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 đáy 18cm, mặt đường rộng 3m, hạng mục phụ	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND xã Cư An	268,2	241,4				241,4	Đã hoàn thành	Ban Quản lý các CTMTQG xã Cư An	UBND phường An Bình	